TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HS-ST
Ngày: 22-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Na Na
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hồng Quang
Bà Lê Thị Ngọc Lâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T (tên gọi khác: không), sinh năm 1990; tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: thôn , xã N, huyện T, tỉnh Q ; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Sơn N, sinh năm: 1955 và bà Phạm Thị T (đã chết); có vợ là chị Đinh Thị S, sinh năm: 1992; có 02 con; con lớn sinh năm 2010; con nhỏ, sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Hiện bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Trương Văn T, sinh năm 1988;
- Bà Nguyễn Thị Thùy S, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Thôn , xã N, huyện T, tỉnh Q; *đều vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.*

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1988;
- Bà Đinh Thị C, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thôn , xã N, huyện T, tỉnh Q; *ông Đ, bà C đều vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/12/2012 Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 557 tờ bản đồ 03 diện tích 12.611m^2 xã N, huyện T cho hộ bà Đinh Thị C (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG989666, số vào sổ cấp GCN: CH01110). Về nguồn gốc của thửa đất số 557 tờ bản đồ 03 diện tích 12.611m^2 thuộc dự án KWF6, loại đất rừng sản xuất, được cấp cho hộ gia đình dân tộc thiểu số để sử dụng tại địa bàn xã N, huyện T, trong đó có hộ ông Đinh Sơn N là đối tượng được Nhà nước cân đối và cấp đất theo dự án trên. Vì hộ gia đình ông Đinh Sơn N đã có thỏa thuận và được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền nên thửa đất số 557 tờ bản đồ 03 diện tích 12.611m^2 xã N, huyện T đã được UBND huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Đinh Thị C. Theo thỏa thuận của gia đình thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG989666, số vào sổ cấp GCN: CH01110 ngày 28/12/2012 do Phạm Văn T cất giữ và được quyền quản lý, sử dụng với diện tích khoảng 10.000m^2 trong tổng diện tích 12.611m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, Phạm Văn T muốn chuyển nhượng phần diện tích đất do Phạm Văn T đang quản lý, sử dụng tại thửa đất số 557 tờ bản đồ 03 cho ông Trương Văn T với giá chuyển nhượng 120.000.000đồng, ông T đã đồng ý nhận chuyển nhượng và tiến hành xem đất thực địa, sau đó đã đặt cọc cho T với số tiền là 30.000.000đồng (*ba mươi triệu đồng*). Năm 2016 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG989666, số vào sổ cấp GCN: CH01110 ngày 28/12/2012 đã bị mất. Để thực hiện và hoàn thành việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 557 tờ bản đồ 03 cho ông Trương Văn T theo như thỏa thuận. Vào khoảng cuối năm 2020, Phạm Văn T đã sử dụng mạng xã hội Facebook với tài khoản tên "*Lặng nhìn cuộc sống*" để liên hệ với tài khoản có tên "*dịch vụ nhận làm giấy tờ các loại*", T đã đặt với tài khoản có tên trên để làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả, đứng tên Hộ bà Đinh Thị C giống y như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo) do T còn giữ, với giá tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Sau đó, T nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả từ nhân viên giao hàng và thanh toán tiền cho nhân viên giao hàng (T không biết tên, địa chỉ người giao hàng). Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ nhân viên giao hàng, T đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho T.

Ngày 21/12/2021, hộ bà Đinh Thị C gồm bà Đinh Thị C, ông Phạm Văn Đ, Phạm Thị Thu V đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 557 tờ bản đồ 03, diện tích 12.611m^2 xã N, huyện T cho ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Thùy S. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên đã được UBND xã N chứng thực. Ông T đã giao tiếp cho T số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng) và thỏa thuận khi nào hoàn thành thủ tục sang tên sẽ giao đủ số tiền theo thỏa thuận (giá chuyển nhượng 120.000.000đồng, T đã nhận tổng cộng 105.000.000đồng).

Ngày 24/01/2022, ông Trương Văn T nộp hồ sơ làm thủ tục sang tên tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện Tư Nghĩa. Sau khi kiểm tra hồ sơ, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tư Nghĩa nghi ngờ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là giả. Sự việc trên được ông Trương Văn T tố giác đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa.

Tại bản kết luận giám định số 874/KL-KTHS, ngày 22/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG989666, số vào sổ cấp GCN: CH01110, mang tên hộ bà Đinh Thị C, sinh năm 1990, địa chỉ thường trú: Thôn , xã N, huyện T, tỉnh Q; ghi do Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp ngày 28/12/2012 (ký hiệu A) gửi đến giám định là **giấy giả.".**

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS - TN ngày 09/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố Phạm Văn T về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Về hình phạt chính, xử phạt bị cáo Phạm Văn T: từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung không.

Về vật chứng: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thu giữ bảo quản trong hồ sơ vụ án. Về trách nhiệm dân sự, không.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Thống nhất không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi phạm tội của bị cáo là sai, vi phạm phát luật, vì hiện nay bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và nuôi 02 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tư Nghĩa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà S, ông Đ, bà C đều vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì lời khai của họ đã khai đầy đủ, thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai và thừa nhận: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc sử dụng tài liệu, giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhanh để có tiền để trang trải cuộc sống, vì kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên cuối năm 2020, bị cáo T đã có hành vi liên hệ với tài khoản có tên "*dịch vụ nhận làm giấy tờ các loại*" và cung cấp các thông tin; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản pho to, để đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG989666, số vào sổ cấp GCN - CH01110 ngày 28/12/2012 mang tên hộ bà Đinh Thị C với giá 7.000.000đồng. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và thanh toán tiền xong. T đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng này đến nhà và giao cho T để làm tin về việc chuyển nhượng mà T đã nhận tiền cọc trước đó. Khi ông Trương Văn T nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Tư Nghĩa để làm thủ tục sang tên thì bị phát hiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn T là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính. Ngoài ra còn làm phức tạp thêm trật tự an toàn công cộng, bởi bị cáo đưa vào sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với mục đích vi phạm pháp luật. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm tương tự có thể xảy ra.

Tuy nhiên, xét về hoàn cảnh thực tế hiện nay của bị cáo, chị Đinh Thị S là vợ bị cáo đã bỏ nhà đi đâu không rõ, bản thân bị cáo phải nuôi 02 con còn nhỏ. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên xét thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là phù hợp, đảm bảo sự khoan hồng và răn đe giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường ít nghiêm trọng. Cha ruột bị cáo là người có công cách mạng, thuộc diện người bị bắt tù đày, bản thân bị cáo làm trưởng thôn, dân quân tự vệ có nhiều giấy khen của UBND xã

N; bị cáo là người dân tộc thiểu số. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo cùng gia đình đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận 105.000.000đồng cho ông T và ông T đã có đơn xin bãi nại. Nên cần áp dụng các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

[5] Ngoài ra Hội đồng xét xử cũng thấy rằng:

[5.1]. Đối với hành vi nhận số tiền 105.000.000đồng về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo với ông Trương Văn T:

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất 557 tờ bản đồ 03 diện tích 12.611m^2 đã được các bên ký kết hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật. Bị cáo là người trực tiếp nhận tiền từ giao dịch chuyển nhượng trên, do việc nhận tiền giữa bị cáo với ông T đã xảy ra trước thời điểm bị cáo T có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và diễn ra hoàn toàn tự nguyện giữa các bên. Mặt khác, bị cáo T không có các thủ đoạn khác nhằm chiếm đoạt tài sản. Do đó, hành vi nhận tiền của bị cáo T với ông T là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu của tội phạm.

[5.2]. Đối với người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả: Ngày 11/11/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa đã có văn bản yêu cầu Công ty VNG cung cấp dữ liệu điện tử liên quan đến số điện thoại 0337925921 (T dùng zalo này đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả) để có cơ sở xử lý người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Phạm Văn T. Nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Cơ quan điều tra Công an huyện Tư Nghĩa tiếp tục xác minh và sẽ xử lý sau.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả hiện nay đã được thu giữ bảo quản trong hồ sơ vụ án.

[8] Về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa đề nghị tại phiên tòa là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T **12** (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/3/2023). Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả

hiện nay đã được thu giữ bảo quản trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Án sơ thẩm xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- CQCSĐT Công an huyện Tư Nghĩa ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tư Nghĩa;
- Phòng NVLT Công an huyện Tư Nghĩa;
- Chi Cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Na Na